|  |  |
| --- | --- |
|  PHÒNG GD & ĐT ………………. | **Chữ kí GT1:** ........................... |
|  **TRƯỜNG THCS**…………... | **Chữ kí GT2:** ........................... |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

**CÔNG NGHỆ MÔ ĐUN CẮT MAY 9** – **CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

**NĂM HỌC: 2024 - 2025**

**Thời gian làm bài: 45 phút *(****Không kể thời gian phát đề)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên:** …………………………………… **Lớp**:………………..**Số báo danh:** …………………………….……**Phòng KT**:………….. | **Mã phách** |

✂

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bằng số** | **Điểm bằng chữ** | **Chữ ký của GK1** | **Chữ ký của GK2** | **Mã phách** |

**ĐỀ BÀI**

 **A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)**

**Câu 1 (0,25 điểm).** Trang phục đa dạng về

1. kiểu dáng.
2. màu sắc.
3. kiểu dáng và màu sắc.
4. rất đơn điệu.

**Câu 2 (0,25 điểm).** Trang phục truyền thống của Việt Nam là gì?

1. Áo dài.
2. Hanbok.
3. Kimono.
4. Hán phục.

**Câu 3 (0,25 điểm).** Đâu là tiêu chí đánh giá cách lựa chọn kiểu dáng trang phục theo vóc dáng?

1. Điều kiện sinh hoạt.
2. Kiểu dáng tươm tất, lịch sự.
3. Màu sắc, đường nét cắt may.
4. Hoa văn giữa áo và quần.

**Câu 4 (0,25 điểm).** Để lựa chọn trang phục, chúng ta cần thực hiện qua bao nhiêu bước?

1. Năm bước.
2. Sáu bước.
3. Bảy bước.
4. Tám bước.

**Câu 5 (0,25 điểm).** Khi lựa chọn kiểu dáng trang phục cần lưu ý điều gì?

1. Phù hợp xu hướng thời trang, theo mốt.
2. Phù hợp đặc điểm người mặc và xu hướng thời trang.
3. Phải đắt tiền thì trang phục mới chất lượng.
4. Nhiều màu sắc sặc sỡ.

**Câu 6 (0,25 điểm).** Có bao nhiêu cách lựa chọn kiểu trang phục phù hợp với đặc điểm của người mặc?

1. Hai cách.
2. Ba cách.
3. Bốn cách.
4. Năm cách.

**Câu 7 (0,25 điểm).** Trang phục ở nhà có đặc điểm nào sau đây?

1. Kiểu dáng đẹp, trang trọng.
2. Kiểu dáng lịch sự, gọn gàng.
3. Kiểu dáng đơn giản, thoải mái.
4. Kiểu dáng ôm sát cơ thể.

**Câu 8 (0,25 điểm).** Bước thứ năm trong thực hiện lựa chọn trang phục là gì?

1. Chọn loại trang phục.
2. Chọn kiểu trang phục.
3. Chọn màu sắc, họa tiết trang phục.
4. Chọn chất liệu vải.

**Câu 9 (0,25 điểm).** Đâu là kiểu trang phục **không** phù hợp với người lớn tuổi?

1. Trang phục nhiều màu sắc nổi bật.
2. Trang phục cổ điển.
3. Trang phục tối giản.
4. Trang phục không có họa tiết rườm rà.

**Câu 10 (0,25 điểm).** Để lựa chọn trang phục, **không** nên căn cứ vào đâu?

1. Chất liệu, màu sắc của trang phục.
2. Độ dày của trang phục.
3. Kiểu dáng của trang phục.
4. Đường nét, họa tiết của trang phục.

**Câu 11 (0,25 điểm).** Đặc điểm nào của trang phục sau đây tạo cảm giác gầy đi, cao lên?

1. Mặt vải trơn, phẳng; có độ đàn hồi.
2. Quần áo hơi rộng, thoải mái, có các đường cắt ngang, xếp li.
3. Màu sáng.
4. Kẻ ngang, họa tiết lớn.

**Câu 12 (0,25 điểm).** Đặc điểm nào của trang phục **không** ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc?

A. Chất liệu, màu sắc.

B. Kiểu dáng.

C. Đường nét, họa tiết.

D. Khối lượng trang phục.

**Câu 13 (0,25 điểm).** Đặc điểm nào của trang phục sau đây tạo cảm giác béo ra, thấp xuống?

1. Màu tối, sẫm.
2. Kẻ dọc, hoa nhỏ.
3. Mặt vải bóng, thô, xốp.
4. Vừa sát cơ thể, các đường cắt dọc theo thân.

**Câu 14 (0,25 điểm).** Để có sự đồng bộ đẹp trong trang phục, chúng ta cần phải có gì?

1. Các phụ kiện đi kèm phù hợp với quần áo.
2. Chỉ cần có áo đẹp.
3. Có quần áo đẹp.
4. Có giày dép đẹp.

**Câu 15 (0,25 điểm).** Màu vải nào đây dùng may quần áo phù hợp với mọi lứa tuổi?

1. Màu vàng, màu trắng.
2. Màu đen, màu trắng.
3. Màu đen, màu vàng.
4. Màu đỏ, màu xanh.

**Câu 16 (0,25 điểm).** Một bộ trang phục đẹp và phù hợp với hoàn cảnh sẽ giúp chúng ta cảm thấy như thế nào?

1. Sang trọng, quý phái.
2. Tự ti, e thẹn.
3. Lịch sự và tự tin.
4. Bình thường.

 **Câu 17 (0,25 điểm).** Đối với các lứa tuổi khác nhau thì:

1. Việc lựa chọn trang phục khác nhau.
2. Việc sử dụng trang phục tương tự nhau.
3. Việc lựa chọn và sử dụng trang phục khác nhau.
4. Việc lựa chọn và sử dụng trang phục giống nhau.

**Câu 18 (0,25 điểm).** Đâu **không** phải tiêu chí nhận xét cách phối hợp trang phục?

1. Đường nét cắt may.
2. Cách phối hợp màu sắc, hoa văn.
3. Cách phối hợp kiểu dáng.
4. Cách phối hợp với phụ kiện.

**Câu 19 (0,25 điểm).** Khi làm việc nơi công sở nên chọn loại trang phục như thế nào?

1. Kiểu dáng vừa vặn, màu sắc trang nhã, lịch sự.
2. Kiểu dáng thoải mái, năng động.
3. Chất liệu vải thấm mồ hôi, dày dặn để bảo vệ cơ thể.
4. Kiểu dáng ngắn, dễ di chuyển và tạo cảm giác thoải mái.

**Câu 20 (0,25 điểm).** Vải hoa nên kết hợp với loại vải nào sau đây?

1. Vải kẻ caro.
2. Vải kẻ dọc.
3. Vải trơn.
4. Vải kẻ ngang.

 **Câu 21 (0,25 điểm).** Khi đi học thể dục, em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?

1. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót.
2. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền.
3. Vải sợi bông, may rộng, dép lê.
4. Vải sợi bông, may rộng, giày bata.

**Câu 22 (0,25 điểm).** Khi lựa chọn trang phục phù hợp thì yêu cầu nào sau đây **không** cần thực hiện?

1. Chọn vật dụng đi kèm phù hợp.
2. Chọn vải phù hợp.
3. May những quần áo đắt tiền, theo mốt.
4. Xác định đặc điểm về vóc dáng người mặc.

 **Câu 23 (0,25 điểm).** Bạn em hơi mập, thấp, bạn em nên chọn vải may trang phục có những đặc điểm nào để che khuyết điểm của bản thân?

1. Màu đen, kẻ sọc dọc, mặt vải trơn.
2. Màu xanh đen, kẻ sọc ngang, mặt vải phẳng.
3. Màu trắng, hoa to, mặt vải bóng láng.
4. Màu vàng nhạt, hoa nhỏ, mặt vải thô.

**Câu 24 (0,25 điểm).** Bạn gái em cao và gầy, em sẽ lựa chọn loại vải có những đặc điểm nào để tặng quà cho bạn gái?

1. Màu sáng, mặt vải láng, kẻ sọc dọc.
2. Màu sáng, mặt vải thô, kẻ sọc ngang.
3. Màu tối, mặt vải thô, kẻ sọc ngang.
4. Màu tối, mặt vải trơn, kẻ sọc dọc.

 **B. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

 **Câu 1 (3,0 điểm).** Theo em, mỗi lứa tuổi phù hợp với phong cách thời trang nào?

 **Câu 2 (1,0 điểm).** Em hãy đề xuất bộ trang phục để mặc đi du lịch phù hợp với vóc dáng của em và xu hướng thời trang hiện nay.

**BÀI LÀM**

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
|  |

✄

**BÀI LÀM:**

 ………………………………………………………………………………………....

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 ………………………………………………………………………………………....

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 ………………………………………………………………………………………....

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 ………………………………………………………………………………………....

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 ………………………………………………………………………………………....

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

**TRƯỜNG THCS** ......................................

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024** - **2025)**

**MÔN: CÔNG NGHỆ MÔ ĐUN CẮT MAY 9 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

 **A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)**

 *Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4**  | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** |
| C | A | C | D | B | C | D | C |
| **Câu 9** | **Câu 10** | **Câu 11** | **Câu 12** | **Câu 13** | **Câu 14** | **Câu 15** | **Câu 16** |
| A | B | B | D |  C | A | B | C |
| **Câu 17** | **Câu 18** | **Câu 19** | **Câu 20** | **Câu 21** | **Câu 22** | **Câu 23** | **Câu 24** |
| C | A | A | C | D | C | A | B |

 **B. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1****(3,0 điểm**) | HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi:**a.** Mỗi lứa tuổi phù hợp với những phong cách thời trang khác nhau như:- *Trẻ em*: phù hợp với phong cách thể thao, phong cách học đường.- *Thanh niên*: phù hợp với phong cách tự do, phong cách thể thao,...- *Người lớn tuổi*: phù hợp với phong cách cổ điển, phong cách tối giản,...=> Nên lựa chọn những phong cách thời trang phù hợp với lứa tuổi của người mặc.**b.** Kết quả lựa chọn trang phục được đánh giá theo các tiêu chí như sau:- Chọn được kiểu dáng trang phục giúp người mặc che được nhược điểm và làm nổi bật ưu điểm về vóc dáng, phù hợp với xu hướng thời trang.- Chọn được loại trang phục phù hợp với tính chất công việc.- Chọn được màu sắc, hoạ tiết trang phục phù hợp với sở thích về thẩm mĩ của người mặc và xu hướng thời trang.- Chọn được chất liệu trang phục phù hợp với phong cách thời trang của người mặc và xu hướng thời trang.- Chọn được phụ kiện phù hợp với bộ trang phục và xu hướng thời trang.- Chọn được trang phục phù hợp với tính cách giúp người mặc thoải mái, tự tin. | **0,5 điểm****0,5 điểm****0,5 điểm****1,5 điểm** |
| **Câu 2** **(1,0 điểm)** | HS liên hệ bản thân, vận dụng hiểu biết để trả lời câu hỏi:*Gợi ý:*Một số bộ trang phục cho du lịch:- **Ngày đi thăm thắng cảnh:**+ Quần short thoải mái hoặc chinos nhẹ.+ Áo thun hoặc áo polo để giữ mát và thoải mái.+ Giày sneakers hoặc sandals phù hợp cho việc đi bộ nhiều.- **Buổi tối dạo phố hoặc đi ăn tối:**+ Một chiếc váy hoặc jumpsuit thoải mái.+ Áo sơ mi hoặc áo blouse nhẹ.+ Giày đế bằng hoặc sandals thanh lịch.- **Phụ kiện:**+ Nón rộng để bảo vệ khỏi nắng.+ Ba lô nhỏ và thời trang để chứa đồ cá nhân và nước uống.**- Màu sắc và họa tiết:**+ Chọn màu sắc nhẹ nhàng và dễ phối hợp như trắng, xanh pastel, hoặc họa tiết hoa nhẹ.+ Mix-and-match để tạo ra nhiều trang phục khác nhau từ số lượng ít đồ. | **1,0 điểm** |

**TRƯỜNG THCS** ............................

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024** - **2025)**

**MÔN: CÔNG NGHỆ MÔ ĐUN CẮT MAY 9**

**BỘ CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên bài học** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **VD cao** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **Chủ đề 1. Lựa chọn trang phục** | 8 | 1 | 10 | 0 | 6 | 0 | 0 | 1 | **24** | **2** | **10** |
| **Tổng số câu TN/TL** | **8** | **1** | **10** | **0** | **6** | **0** | **0** | **1** | **24** | **2** | **10,0** |
| **Điểm số** | **2,0** | **3,0** | **2,5** | **0** | **1,5** | **0** | **0** | **1,0** | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **5,0 điểm****50%** | **2,5 điểm****25%** |  **1,5 điểm****15%** | **1,0 điểm****10%** | **10 điểm****100 %** | **10 điểm** |

**TRƯỜNG THCS** ............................

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024** - **2025)**

**MÔN: CÔNG NGHỆ MÔ ĐUN CẮT MAY 9**

**BỘ CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu TL/** **Số câu hỏi TN** | **Câu hỏi** |
| **TN****(số câu)** | **TL** **(số câu)** | **TN** | **TL** |
| **Chủ đề 1** | **24** | **2** |  |  |
| **Lựa chọn trang phục** | Nhận biết | - Nhận biết được sự đa dạng của trang phục.- Biết được trang phục truyền thống của Việt Nam.- Xác định được tiêu chí đánh giá cách lựa chọn kiểu dáng trang phục theo vóc dáng.- Biết được các bước lựa chọn trang phục; những lưu ý khi lựa chọn kiểu dáng trang phục.- Nhận biết được các cách lựa chọn kiểu trang phục phù hợp với đặc điểm của người mặc.- Biết được đặc điểm của trang phục ở nhà. - Nêu được sự phù hợp của mỗi lứa tuổi với phong cách thời trang; tiêu chí đánh giá kết quả lựa chọn trang phục. | 8 | 1 | C1, C2,C3, C4, C5, C6, C7, C8 | C1 (TL) |
| Thông hiểu | - Biết được kiểu trang phục **không** phù hợp với người lớn tuổi.- Xác định được những căn cứ để lựa chọn trang phục.- Nhận diện được đặc điểm của trang phục **không** ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc.- Xác định được các loại trang phục phù hợp cho lứa tuổi, hình dáng người mặc.- Biết được ý nghĩa của việc mặc một bộ trang phục phù hợp.- Nắm rõ được tiêu chí nhận xét cách phối hợp trang phục. | 10 |  | C9, C10, C11, C12, C13, C14, C15, C16,C17, C18 |  |
| Vận dụng | Vận dụng được kiến thức đã học để lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm cơ thể hay các trường hợp trong cuộc sống. | 6 |  | C19, C20, C21, C22, C23, C24 |  |
| Vận dụng cao | Đề xuất được bộ trang phục mặc đi du lịch phù hợp với vóc dáng và xu hướng thời trang hiện nay. |  | 1 |  | C2 (TL) |